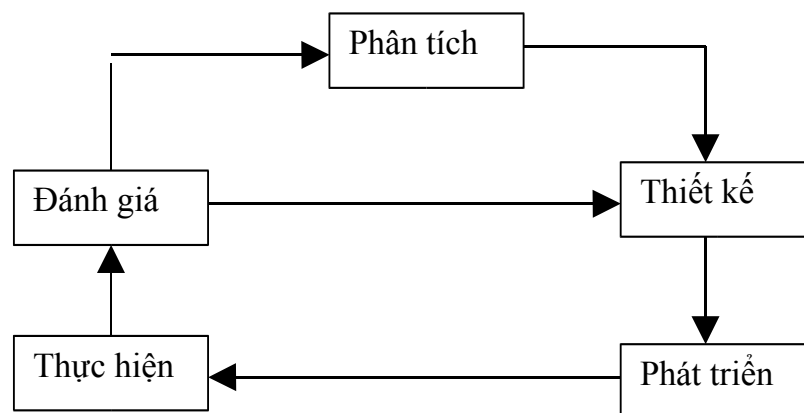


**đổi mới xây dựng chương trình Đào tạo và  
phương pháp giảng dạy theo cách tiếp cận  
“lấy người học làm trung tâm”**

**Ths. Phạm Thị Song Hạnh, Giảng  
viên, Trường Đại học Ngoại Thương  
NCV. Phạm Văn Hải, Khoa Sư  
Phạm, Đại học Quốc gia Hà nội**

Gần đây, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy đại học đang trở thành vấn đề quan tâm của tất cả các trường đại học. Một trong những giải pháp đổi mới được nhắc đến nhiều nhất là “*lấy người học làm trung tâm*”. Khái niệm này có nghĩa là người học đóng vai trò chủ động tích cực trong toàn bộ quá trình đào tạo theo định hướng “what - do - see”. Những gì tôi cần học, sẽ học và trong tương lai sẽ là gì? Đây là câu hỏi cần thiết của người học khi bắt đầu học tập trong nhà trường. Muốn vậy thì chương trình đào tạo phải được thiết kế phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của người học. Bài viết này muốn chia sẻ một số thông tin liên quan đến quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo quan điểm “lấy người học làm trung tâm”. Theo chúng tôi, một quy trình xây dựng chương trình giảng dạy như vậy bao gồm năm bước sau:



## **Bước 1. Phân tích**

ở bước này người ta thực hiện hai nội dung phân tích chính:

### **\*Phân tích nhu cầu**

Mục đích của việc làm này là nhằm xác định nhu cầu từ phía yêu cầu của người sử dụng lao động và nhu cầu của sinh viên.

Việc xác định nhu cầu và yêu cầu của người sử dụng lao động có thể thực hiện bằng các điều tra dựa trên các báo cáo của các ngành về tình hình lao động và tiêu chí tuyển dụng. Mỗi một doanh nghiệp, công ty hay tổ chức tuyển dụng đều có đưa ra các tiêu chí đánh giá khác nhau. Nhưng họ mong muốn có một người lao động phù hợp, năng động và dễ bắt nhịp với xu hướng thời đại.

Việc xác định nhu cầu của sinh viên có thể thực hiện bằng cách điều tra trực tiếp đối với sinh viên (đã học hoặc dự định sẽ học) về sự cần thiết của môn học. Đối với chương trình cơ sở của những năm đầu dành cho sinh viên, họ cần có những kiến thức nền khoa học cơ bản để làm cơ sở vững chắc cho các chặng đường học tập tiếp theo. Ví dụ như đối với sinh viên năm thứ nhất, người ta tiến hành thăm dò ý kiến của học sinh trung học. Qua thống kê thông tin thu được từ phía học sinh, người thiết kế chương trình học sẽ loại bỏ được những môn học trùng lặp và thêm vào đó là những môn học nền đại cương. Còn đối với chương trình học chuyên ngành, giống như mô hình đào tạo của các nước phát triển như Châu Âu hay Hoa Kỳ, chương trình học này bao gồm những môn học bắt buộc (core course) và những môn học tự chọn (optional course). Như vậy sinh viên có thể lựa chọn các môn học chuyên sâu để thực hiện các đề tài nghiên cứu từ trong nhà trường và định hướng làm việc chuyên ngành của họ sau này.

### **\*Phân tích nghề nghiệp**

- Xác định các nhiệm vụ đào tạo

- Cụ thể hoá các nhiệm vụ
- Phân tích các nhiệm vụ đào tạo: các kiến thức, kỹ năng cần thiết

ở các trường đại học tại Việt Nam khi đưa ra một môn học mới chúng ta chỉ dựa trên các đánh giá định tính về tính cần thiết của môn học chứ hầu như chưa dựa trên các phân tích định lượng với các số liệu cụ thể về nhu cầu lao động của xã hội và của người học. Chính vì thế, nhiều môn học được đưa vào chương trình không phù hợp với nguyện vọng của người học, không phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động dẫn đến việc sinh viên học tập một cách đối phó, học chỉ để thi cho qua. Điều này gây nên sự lãng phí thời gian và chi phí đào tạo. Để có một ngành đào tạo phù hợp với xu thế của thời đại cần có quan điểm nhìn rộng rãi từ các ngành đào tạo từ các nước phát triển, các công ty doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng một chương trình đào tạo hoàn hảo tiến kịp theo xu thế hiện đại hoá ngành nghề đào tạo bức xúc hiện nay.

## **Bước 2: Thiết kế**

Xác định phương pháp đào tạo bằng cách cụ thể hoá yêu cầu đầu vào và cơ cấu đào tạo hợp lý. Phương pháp đào tạo truyền thống hiện nay thích hợp với một số ngành về khoa học xã hội và một số ngành khác. Đối với các ngành kinh tế, khoa học kỹ thuật và công nghệ, cần có sự đổi mới bởi lẽ để bắt nhịp với những nền khoa học công nghệ tiên tiến hiện nay thì các bài giảng mang yếu tố công nghệ là cần thiết. Chính vì thế phương pháp đào tạo sử dụng công nghệ cần được phát huy rộng rãi cả về chiều rộng và chiều sâu. Ví dụ một sinh viên thuộc ngành thương mại điện tử trường Đại học Ngoại thương ngoài các kiến thức chuyên ngành, nên cần có các kiến thức về sử dụng thành thạo công nghệ như mạng Internet và các qui trình công nghệ diễn ra trên mạng và những yếu tố bảo mật về công nghệ. Với điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng như hiện nay, việc nối liên

mạng các trường đại học trong nước và Internet là cấp bách và cần thiết. Như vậy, tùy thuộc vào từng trường nên áp dụng các phương pháp đào tạo kết hợp giữa truyền thống và yếu tố sử dụng công nghệ.

Xây dựng hệ thống đánh giá kết quả đào tạo: đánh giá kỹ năng, đánh giá kiến thức. Số bài kiểm tra, số bài thực hành và cơ cấu điểm của chúng trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Ví dụ đối với môn học trong một học kỳ của một trường đại học ở Hoa Kỳ, sinh viên phải trải qua nhiều kỳ thi như: kiểm tra nhanh ở lớp hoặc bài tập ở nhà, thi giữa học kỳ, dự án nghiên cứu hay thi cuối khoá của môn học. Chúng tôi thấy rằng, trong suốt quá trình học tập người sinh viên lúc nào cũng cố gắng phấn đấu học tập để đạt được kết quả tốt cho những kỳ thi trên. Giáo viên đánh giá chính xác hơn về kết quả của học trò dựa trên các bài thi tổng cộng lại hay trên kết quả nghiên cứu hoàn thành.

Xây dựng kế hoạch đào tạo tùy thuộc vào từng trường đại học cụ thể dựa vào các yếu tố như sử dụng các thiết bị trong đào tạo và chất lượng của đội ngũ cán bộ giảng dạy. Nên hình thành các quan hệ trao đổi khoa học và nghiên cứu thường xuyên giữa các trường đại học để phù hợp kế hoạch và nội dung chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đồng nhất sẽ góp phần thuận lợi cho sinh viên có thể học ở trường này và có thể chuyển đổi sang trường khác phù hợp hơn với khả năng và trình độ của họ.

### **Bước 3: Phát triển**

Soạn thảo các tài liệu giảng dạy, ôn tập và kiểm tra theo các mô hình công nghệ được kết hợp với phương pháp đào tạo truyền thống như: E-learning học qua mạng, thi chắc nghiệm trên mạng và các bài giảng sử dụng nhiều yếu tố áp dụng công nghệ

Cộng tác và trao đổi nghiên cứu giảng dạy với các nước phát triển như: đào tạo giáo viên, tham khảo các tài liệu giảng dạy và học hỏi về khoa học kỹ thuật.

Xây dựng chương trình đào tạo luôn cập nhật, đổi mới nội dung tiến kịp và hội nhập các nước trong khu vực và thế giới.

Kết hợp mô hình đào tạo giữa nhà trường và các doanh nghiệp công ty để chất lượng đào tạo được tốt hơn và gần với ứng dụng thực tế.

#### **Bước 4: Thực hiện**

Thực hiện kế hoạch đào tạo: tuyển sinh viên, lựa chọn cán bộ giảng dạy, đảm bảo các thiết bị cần thiết dùng trong đào tạo, lên lịch giảng dạy

Tiến hành đào tạo

Tiến hành đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Ghi lại các kết quả đào tạo

#### **Về phía giáo viên cần phải làm gì?**

##### ***Phát huy tính chủ động sáng tạo của người học***

Để đào tạo ra những người lao động có khả năng làm việc độc lập sáng tạo, chúng ta nên tham khảo kinh nghiệm của phương pháp giáo dục Vương quốc Anh. Giảng viên không nên áp đặt quan điểm của mình mà chỉ nên gợi các hướng suy nghĩ cho sinh viên, nên chỉ ra cho sinh viên các nguồn tài liệu để nghiên cứu chứ không nên ôm đồm giảng giải quá nhiều thứ. Điều này đặc biệt nên áp dụng ở một số môn học của khối ngành kinh tế- những môn học mà nội dung chương trình chỉ đơn thuần là các phân tích lý thuyết, không quá khó hiểu thì sinh viên hoàn toàn có thể tự nghiên cứu mà không cần nghe giảng.

##### ***Cô đọng lý thuyết, chú trọng thực hành***

Một quyết định kinh doanh chỉ đúng khi nó phù hợp với tình hình thị trường. Mọi bàn luận lý thuyết mà thiếu tính thực hành không mang lại hiệu quả đích thực cho người học. Vì vậy chương trình giảng dạy tại các trường kinh tế không nên dàn trải về lý thuyết (đi sâu nghiên cứu định nghĩa khái niệm đặc điểm) mà nên chú trọng tới khả năng vận dụng của sinh viên vào thực tế. Giảng viên nên dành một thời lượng hợp lý cho sinh viên thảo luận, làm các bài tập thực hành.

### ***Chú trọng tới nhu cầu của người học***

Đào tạo đại học ở Việt nam chưa bị đặt trước áp lực cạnh tranh nên phần đông giáo viên chưa ý thức được rằng người học là khách hàng để đáp ứng tốt nhất nguyện vọng của họ. Có những giảng viên giảng dạy theo kiểu “có gì dạy đấy” mà không cần biết những gì mình giảng người học có quan tâm hay không (có lẽ là do ảnh hưởng bởi lối tư duy “có gì bán đấy” của thời kỳ kinh tế bao cấp!). Điều này khác với các trường đại học Anh, nơi người ta rất quan tâm tới ý kiến sinh viên về chất lượng giảng dạy. Khi hết một môn học bao giờ sinh viên cũng được điền vào một tờ phiếu đánh giá về chất lượng giảng dạy của môn học đó. Việc này thường do bộ phận quản lý đào tạo của khoa thực hiện. Giảng viên có thể không được phân giảng trong học kỳ tiếp theo nếu kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy của họ không tốt.

Việc áp dụng phương pháp quản lý chất lượng giảng dạy như trên là chưa khả thi khi các trường đại học còn theo chế độ bao cấp của nhà nước. Tuy nhiên, về phía đơn vị quản lý đào tạo nên khuyến khích các giảng viên tự tiến hành điều tra đánh giá chất lượng giảng dạy của mình, về phía mỗi giảng viên hãy vì uy tín của mình mà điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học viên.

### ***Sử dụng các phương tiện giảng dạy hiện đại***

Các phương tiện này bao gồm máy tính và máy chiếu được dùng để hiện thị nội dung bài giảng lên bảng chiếu. Giảng viên không phải tốn thời gian trên lớp cho việc ghi chép và minh họa trên bảng đen. Sinh viên được phát sẵn đề cương bài giảng nên không phải ghi chép nhiều. Vì tiết kiệm thời gian đọc và ghi chép nên giáo viên có thể truyền đạt (đồng thời sinh viên có thể tiếp thu) một khối lượng kiến thức nhiều hơn trong một giờ giảng. Điều này đòi hỏi sinh viên phải tự nghiên cứu, đào sâu suy nghĩ về bài giảng sau giờ học. Nhờ vậy, sinh viên sẽ hình thành thói quen học tập nghiên cứu chủ động.

Phương pháp này tỏ ra đặc biệt hữu ích đối với các môn học cơ bản, thuần túy lý thuyết: thay vì phải đọc và ghi chép các khái niệm lý thuyết, giáo viên có thời gian giảng giải giúp sinh viên hiểu và tiếp thu ngay khái niệm đó mà không phải học thuộc lòng. Đối với các môn học liên quan nhiều đến thực tiễn thì việc rút ngắn thời gian học lý thuyết sẽ tạo ra nhiều thời gian hơn cho thực hành, tăng cường trao đổi, thảo luận giữa giảng viên và sinh viên, kích thích tính chủ động sáng tạo trong học tập của sinh viên. Như vậy, một giờ giảng trên lớp được chuyển từ trạng thái

### ***Giảng giải - Tiếp thu sang Giảng giải - Tiếp thu- Phản hồi***

Sau một thời gian ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy tại trường đại học Ngoại thương, tác giả thấy hiệu quả của một giờ giảng tăng lên rõ rệt. Nhờ sự trợ giúp của máy tính máy chiếu và đề cương bài giảng phát sẵn cho sinh viên nên không phải đọc và ghi chép những kiến thức cơ bản, thời gian trên lớp được dành cho việc giảng giải trao đổi và thảo luận giải quyết các bài tập tình huống thực tế. Sinh viên được khuyến khích phát biểu ý kiến nên tỏ ra độc lập hơn trong tư duy, mạnh dạn và chủ động hơn trong phát biểu quan điểm của mình.

### **Về phía người học cần phải làm gì?**

Chú trọng tới phương pháp tự học, học tập không chỉ là quá trình thu nhận thông tin một chiều mà người học luôn được khuyến khích đọc nhiều tài liệu, tự đào sâu nghiên cứu và đặt ra các câu hỏi đối với những vấn đề được học. Bài giảng của giáo viên là sự tổng hợp của nhiều giáo trình và tài liệu tham khảo. Nội hàm kiến thức trong một giờ giảng là lớn nên giảng viên không giảng giải chi tiết mọi vấn đề mà chỉ hướng dẫn để sinh viên có thể tự nghiên cứu một số vấn đề.

Điều này đòi hỏi sinh viên phải tự đọc, tự nghiên cứu ở các nguồn tài liệu mà giáo viên chỉ dẫn. Đây chính là lý do vì sao phần lớn sinh viên sẽ có được tác phong nghiên cứu độc lập, làm việc chủ động.

#### **Bước 5: Đánh giá.**

Tiến hành các đánh giá tổng kết: phản hồi từ phía người học về chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy.

Phân tích các thông tin thu thập được.

Đưa ra những sửa đổi cần thiết, thậm chí cắt bỏ môn học nếu kết quả điều tra cho thấy môn học là không hữu ích cho người học.

Hầu hết các trường đại học ở Việt Nam đều chưa thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ phía người học. ở các trường đại học có uy tín trên thế giới, khi kết thúc một môn học, bộ phận quản lý đào tạo sẽ lấy ý kiến đánh giá của học viên về nội dung và phương pháp giảng dạy của giáo viên. Một môn học sẽ bị loại bỏ nếu phần lớn số sinh viên không có nhu cầu học. Một giảng viên sẽ không được tiếp tục giảng dạy trong năm tiếp theo nếu phần lớn sinh viên không hài lòng với phương pháp giảng dạy của người này.

#### **Ví dụ về phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***Tính điểm môn học dựa theo 3 căn cứ:***

- Điểm kiểm tra giữa kỳ



- Điểm bài tập lớn
- Điểm thi hết môn

Thực tế cho thấy nếu như kết quả học tập của môn học chỉ đánh giá dựa vào điểm thi hết môn thì chưa phản ánh chính xác quá trình học tập của sinh viên và gây ra thói quen học đối phó, chỉ học khi đến kỳ thi. Tại các trường đại học Anh, việc đánh giá kết quả học tập một môn học dựa vào điểm kiểm tra giữa kỳ (20% tổng số điểm), điểm bài tập lớn (20% tổng số điểm), điểm thi hết môn (60% tổng số điểm). Tác giả thấy phương pháp cho điểm này phản ánh cả quá trình học tập của sinh viên đối với môn học, khắc phục hiện tượng một số sinh viên chỉ học gạo, học tủ vào cuối kỳ mà vẫn đạt kết quả môn học cao. Điều này rất dễ thực hiện tại các trường đại học Việt nam vì hiện nay chúng ta vẫn thực hiện việc kiểm tra khi kết thúc học trình để xét tư cách dự thi hết môn của sinh viên. Chúng ta có thể sử dụng ngay kết quả đó để vào việc cho điểm môn học.

### ***.Sử dụng hệ thống thang điểm 100%***

Thang điểm hiện nay chúng ta đang sử dụng là thang điểm 10, không dùng điểm lẻ khi chấm bài thi hết môn. Điều này khiến việc cho điểm trở nên thiếu chính xác. Ví dụ nếu như một môn học là 5 đơn vị học trình (chiếm 20% tổng số đơn vị học trình trong một học kỳ) mà một sinh viên lẽ ra chỉ đạt điểm 6.5 nhưng vì không có thang điểm lẻ nên được làm tròn lên 7 hoặc xuống 6 thì em đó đã được lợi/ thiệt là  $0.5 \times 5 \times 20\% = 0.5$  trong tổng điểm trung bình của một học kỳ.

Tại các trường đại học ở Vương Quốc Anh, điểm môn học cũng như là điểm trung bình khoá học được tính theo thang điểm 100%. Điều này phản ánh chính xác tới từng % kết quả học tập của sinh viên. Đặc biệt, sử dụng hệ thống thang điểm 100% rất thuận lợi cho các đề thi dưới dạng trắc nghiệm, một phương pháp kiểm tra có nhiều ưu điểm đang thịnh hành trên thế giới hiện nay. Chính vì những ưu điểm này mà nhiều trường đại học

trên thế giới cũng áp dụng hệ thống thang điểm theo %. Chúng tôi thấy rằng để hoà nhập với chuẩn đào tạo trên thế giới, các trường đại học Việt nam cũng nên xem xét áp dụng hệ thống thang điểm này.

*Nói tóm lại, để người học phát huy tính chủ động sáng tạo trong quá trình đào tạo thì chương trình đào tạo phải được xây dựng trên cơ sở phục vụ lợi ích của bản thân người học chứ không phải là chỉ dựa vào ý kiến chủ quan của người soạn thảo ra chương trình. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo như giới thiệu ở trên thực sự xuất phát từ nhu cầu nguyện vọng của người học nên sẽ góp phần khuyến khích tính chủ động của người học trong quá trình đào tạo.*

### ***Tài liệu tham khảo***

- [1]. Kỳ yếu Hội thảo nâng cao chất lượng ĐT. ĐHQG Hà Nội, tháng 5/2000.
- [2]. CHEA (2001). Glossary of key terms in quality assurance and accreditation. Retrieved on October 17, 2000 from the World Wide Web:
- [3]. Rena M. Palloff and Keith Pratt, *Building Learning Communities in Cyberspace*, Jossey Bass Publishers, 1999.
- [4]. Susan Ko and Steve Rossen, *Teaching Online: A Practical Guide*, Houghton Mifflin, 2003.
- [5] Katy Campbell. "The Web: Design for Active learning." Web page. Academic Technology for Learning, Univ. Of Alberta.

[6]  
Study”

Microsoft Corporation. “ San Diego State University Case